TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 07 tháng 9 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (huyện Nguyên Bình)
Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương
Ngày thi: 31/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Dương Văn Lành	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Ngô Đức Chính	6,50	Sáu phẩy năm	42	Hà Thị Hồng Linh	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Bàn Thị Lưu	7,50	Bảy phẩy năm
5	Triệu Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	44	Tô Thị Mến	8,00	Tám
6	Nguyễn Thị Thu Dung	7,50	Bảy phẩy năm	45	Hoàng Lê Miên	7,50	Bảy phẩy năm
7	Hoàng Kim Dung	7,50	Bảy phẩy năm	46	Bế Thị Lê Na	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hoàng Thị Dung	8,00	Tám	47	Chu Thị Nải	7,25	Bảy phẩy hai năm
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	48	Hoàng Thị Nết	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Hoàng Thị Duyến	8,00	Tám	49	Diêu Thị Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Lê Thị Điệp	8,25	Tám phẩy hai năm	50	Triệu Thị Nga	8,00	Tám
12	Nông Văn Giang	8,00	Tám	51	Hoàng Thị Nga	7,00	Bảy
13	Nông Đức Giáp	8,00	Tám	52	Hoàng Minh Nga	7,00	Bảy
14	Nông Thị Gióng	7,50	Bảy phẩy năm	53	Chu Thị Ngân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
15	Tô Hồng Hạnh	8,00	Tám	54	Triệu Kim Ngân		***Chuyển lớp***
16	Nông Thị Hằng	8,00	Tám	55	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thu Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Lương Thị Ngọc	7,00	Bảy
18	Đàm Thị Thúy Hằng	8,00	Tám	57	Hoàng Thị Nha		***Hoãn thi***
19	Nông Thị Hân	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Lương Thị Phượng	8,00	Tám
20	Đặng Thu Hiền	8,00	Tám	59	Lê Thị Phượng	7,50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Ma Thị Quyên	8,00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
22	Đào Thị Hoa	7,00	Bảy	61	Lê Đăng Tiến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	62	Bế Quang Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
24	Cung Lê Hoàng	7,50	Bảy phẩy năm	63	Vi Hữu Toàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Hà Quốc Toản	7,00	Bảy
26	Đinh Văn Huấn	8,00	Tám	65	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hà Thị Tuyết	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Phương Quốc Huy	8,00	Tám	67	Hà Văn Tuynh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Đinh Thị Thu Huyền	8,00	Tám	68	Trương Thị Mai Thanh	8,00	Tám
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	69	Bàn Văn Thắng	7,50	Bảy phẩy năm
31	Tạ Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	70	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lương Thị Thủy	8,00	Tám
33	Nguyễn Thanh Hường	8,00	Tám	72	Nguyễn Thị Thúy	8,00	Tám
34	Hoàng Thị Hường	7,50	Bảy phẩy năm	73	Bàn Phúc Thượng	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Lương Xuân Hưởng	8,25	Tám phẩy hai năm	74	Lương Văn Trinh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
36	Nông Văn Khởi	7,75	Bảy phẩy bảy năm	75	Lý Ngọc Trịnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
37	Hoàng Thị Lan	8,00	Tám	76	Nông Thị Uyên	8,00	Tám
38	Lương Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm	77	Phạm Thị Hồng Việt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Hà Hồng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Chu Thị Yến	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 6,75: 03 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 21 điểm; Điểm 7,75: 11 điểm; Điểm 8,00: 23 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Đoàn Thị Kim Liên	Đoàn Thị Vân Thúy	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
HOÀNG ĐÌNH GIỐNG
TỈNH ỦY CAO BẰNG